

Số: 339/2025/QĐST-HNGĐ

Thành phố Huế, ngày 19 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 327/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2025, giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1988; căn cước công dân số 046188001627 cấp ngày 16/4/2021, tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ: Tổ F, phường T, thành phố Huế.

Bị đơn: Anh Đỗ Văn B, sinh năm 1987; căn cước công dân số 046087013160, tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ: Tổ H, phường T, thành phố Huế.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 12 năm 2025.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 12 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị D và anh Đỗ Văn B.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

2.1. *Về con chung:* Chị Nguyễn Thị D và anh Đỗ Văn B có 01 con chung tên là cháu Đỗ Nguyễn Hoàng M, sinh ngày 15/4/2011, hiện nay, con chung đang sống cùng với chị D.

Giao cháu Đỗ Nguyễn Hoàng M cho chị Nguyễn Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi); Anh B có

nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu M với số tiền 2.000.000 đồng mỗi tháng, thời gian cấp dưỡng là kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu M đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Sau khi Quyết định có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2.2. *Về tài sản chung*: Chị D và anh B xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. *Về nợ chung*: Chị D và anh B xác nhận không vay nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị D tự nguyện chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000935 ngày 10/11/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Huế, chị D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND thành phố Huế;
- VKSND khu vực 1 - Huế;
- THADS thành phố Huế;
- UBND phường T, TP . Huế
(ĐKKH số 070 ngày 21/7/2010 tại UBND
P. Th, TXH cũ);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Văn Hạnh